

Số 297 /QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật của các chương trình đào tạo và phương pháp định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018; Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BGDĐT ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-ĐHNT ngày 03/12/2024 của Hội đồng Trường về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-ĐHNT ngày 20/9/2020 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tài chính;

Theo đề nghị của các Ông/Bà Trưởng phòng: Kế hoạch - Tài chính, Đào tạo Đại học, Đào tạo Sau Đại học, Đảm bảo Chất lượng & Khảo thí.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng phòng: Kế hoạch - Tài chính, Đào tạo Đại học, Đào tạo Sau Đại học, Đảm bảo Chất lượng & Khảo thí và các trường đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan của chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Đảng ủy, HĐT (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, KHTC, ĐTĐH, ĐBCL&KT.

KT. **HIỆU TRƯỞNG**
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Quách Hoài Nam



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang

*(Kèm theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHNT ngày 05 tháng 3 năm
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng theo từng chương trình đào tạo và phù hợp với hình thức đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang.
2. Quy định này quy định quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật các chương trình đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang.
3. Quy định này áp dụng đối với:
 - a) Các Khoa/Viện đào tạo của Trường Đại học Nha Trang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;
 - b) Các đơn vị, cá nhân thuộc Trường Đại học Nha Trang tham gia vào quá trình tổ chức đào tạo các chương trình đào tạo trình độ đại học;
 - c) Người học (sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh) theo học các chương trình đào tạo của Trường Đại học Nha Trang;
 - d) Các đối tượng khác tham gia đặt hàng, liên kết đào tạo các chương trình đào tạo của Trường Đại học Nha Trang.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, một số từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Định mức kinh tế - kỹ thuật của chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là định mức kinh tế - kỹ thuật)* là định mức tiêu hao, hao phí các yếu tố về lao động, thiết bị, vật tư, cơ sở vật chất và các yếu tố khác (nếu có) để hoàn thành việc giáo dục, đào tạo cho 01 người học đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm 04 định mức thành phần cơ bản: Định mức lao động, định mức thiết bị, định mức vật tư và định mức cơ sở vật chất.

2. *Định mức lao động* là mức hao phí về sức lao động cần thiết của người lao động theo chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành việc giáo dục, đào tạo cho 01 người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định hiện hành.

3. *Định mức thiết bị* là mức tiêu hao về số lượng và thời gian sử dụng đối với từng loại máy móc, thiết bị cần thiết để hoàn thành việc giáo dục, đào tạo cho 01 người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định hiện hành.

4. *Định mức vật tư* là mức tiêu hao từng loại nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu cần thiết để hoàn thành việc giáo dục, đào tạo cho 01 người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định hiện hành.

5. *Định mức cơ sở vật chất* là thời gian sử dụng và diện tích sử dụng của 01 người học đối với từng loại cơ sở vật chất (khu học lý thuyết, khu thực hành thực tập và các khu chức năng khác) để hoàn thành việc đào tạo cho 01 người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Mục tiêu xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Làm căn cứ xác định chi phí của các chương trình đào tạo nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả và tiết kiệm.
2. Làm căn cứ để xây dựng và thực hiện kế hoạch, quản lý kinh tế, tài chính và quản lý chất lượng trong hoạt động đào tạo của Nhà trường.
3. Thúc đẩy xã hội hóa lĩnh vực giáo dục đại học của Nhà trường.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

Đảm bảo tính đúng, tính đủ để hoàn thành việc giáo dục, đào tạo cho người học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định hiện hành.

Chương II

PHÂN LOẠI, CĂN CỨ, PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 5. Phân loại định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Phân loại theo cơ quan có thẩm quyền ban hành
 - a) Định mức kinh tế - kỹ thuật cấp Bộ là định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng, thẩm định và ban hành để áp dụng trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo các khối ngành;
 - b) Định mức kinh tế - kỹ thuật cấp địa phương là định mức kinh tế - kỹ thuật do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, thẩm định và ban hành đối với các dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cao đẳng sư phạm và giáo dục thường xuyên của địa phương để áp dụng trong phạm vi các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục trực thuộc địa phương;
 - c) Định mức kinh tế - kỹ thuật cấp cơ sở là định mức kinh tế - kỹ thuật do các cơ sở giáo dục xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền, phục vụ cho hoạt động chuyên môn của cơ sở giáo dục.

2. Phân loại theo nhóm dịch vụ sự nghiệp công

Định mức kinh tế - kỹ thuật theo các nhóm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Điều 6. Căn cứ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Các nội dung được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc, chế độ làm việc của nhà giáo, nhân viên hành chính, nhân viên phục vụ của Trường.

2. Quy định về chương trình giáo dục, chương trình đào tạo, chuẩn khối lượng kiến thức, chuẩn năng lực đầu ra của người học tương ứng mỗi cấp học và trình độ đào tạo.

3. Điều kiện thực tế hoạt động của Trường về cơ sở vật chất, bao gồm: công trình xây dựng, nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị giảng dạy và học tập.

4. Quy định về tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc của giảng viên, người lao động trong Nhà trường.

5. Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp và tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

6. Quy định về chuẩn cơ sở giáo dục đại học.

7. Số liệu thống kê hằng năm hoặc trong các kỳ báo cáo và các tài liệu có liên quan.

Điều 7. Phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Phương pháp tiêu chuẩn: Căn cứ vào các tiêu chuẩn, quy định của pháp luật về thời gian lao động, chế độ nghỉ ngơi, mức tiêu hao máy móc, thiết bị để xây dựng các định mức lao động, thiết bị, vật tư và cơ sở vật chất đối với từng công việc, làm cơ sở tính toán xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

2. Phương pháp thống kê tổng hợp: Căn cứ số liệu thống kê hằng năm hoặc trong các kỳ báo cáo trong thời gian 03 năm liên tục trước thời điểm xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và thực tế giáo dục, đào tạo tại Nhà trường để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

3. Phương pháp phân tích thực nghiệm: Thực hiện tổ chức khảo sát, thực nghiệm theo từng quy trình, nội dung công việc; căn cứ kết quả khảo sát, thực nghiệm để phân tích, tính toán từng yếu tố cấu thành định mức.

4. Phương pháp so sánh: Căn cứ vào các định mức của công việc, sản phẩm tương đương đã thực hiện trong thực tế để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

Điều 8. Bộ cục của bản định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Bộ cục định mức kinh tế - kỹ thuật gồm quy định chung và nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật.
2. Quy định chung của định mức kinh tế - kỹ thuật gồm phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, cơ sở xây dựng định mức.
3. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm:
 - a) Tên định mức gắn với từng chương trình đào tạo được xây dựng định mức; đơn vị tính của định mức;
 - b) Hướng dẫn áp dụng;
 - c) Nội dung công việc;
 - d) Các thành phần hao phí của định mức và trị số định mức;
 - đ) Các ghi chú, chỉ dẫn khác (nếu có);
 - e) Các biểu mẫu: Mẫu bảng định mức thông dụng theo mẫu tại Phụ lục IV kèm theo Quy định này.

Điều 9. Nội dung của định mức kinh tế - kỹ thuật

Áp dụng một hoặc đồng thời các phương pháp được quy định tại Điều 6 của Quy định này để xây dựng các định mức thành phần như sau:

1. Định mức lao động

Định mức lao động = Định mức lao động trực tiếp (giảng dạy lý thuyết; hướng dẫn thực hành; hướng dẫn tiểu luận, luận án, luận văn...) + Định mức lao động gián tiếp (quản lý; phục vụ...).

Định mức lao động trực tiếp là thời gian giảng dạy lý thuyết; hướng dẫn thực hành; hướng dẫn tiểu luận, luận án, luận văn...

Định mức lao động gián tiếp được tính theo tỷ lệ % của lao động trực tiếp.

2. Định mức thiết bị

- Xác định chủng loại thiết bị;
- Xác định thông số kỹ thuật cơ bản của thiết bị;
- Xác định thời gian sử dụng từng chủng loại thiết bị;
- Tổng hợp định mức thiết bị.

Các thiết bị phục vụ cho công tác quản lý, phục vụ của lao động gián tiếp tại Trường không được tính trong định mức thiết bị.

3. Định mức vật tư

- Xác định chủng loại vật tư;
- Xác định số lượng/khối lượng theo từng loại vật tư: Căn cứ vào chủng loại thiết bị, thời gian máy chạy có tải (tiêu hao vật tư);

- Xác định tỷ lệ (%) thu hồi vật tư: Căn cứ vào đặc điểm, tính chất của vật tư để tính tỷ lệ (%) thu hồi;

- Xác định yêu cầu kỹ thuật cơ bản của vật tư: Mô tả thông số kỹ thuật của từng loại vật tư phù hợp trong đào tạo.

4. Định mức cơ sở vật chất

a) Định mức sử dụng khu học lý thuyết cho 01 (một) người học:

$$Đ_{lt} = S_{lt} \times T_{lt}$$

Trong đó:

- $Đ_{lt}$: Định mức sử dụng khu học lý thuyết của 01 (một) người học trong quá trình đào tạo (đơn vị tính $m^2 \times$ giờ/người học).

- S_{lt} : Diện tích sử dụng trung bình của 01 (một) người học tại khu học lý thuyết trong quá trình đào tạo (đơn vị tính m^2 /người học).

- T_{lt} : Tổng thời gian sử dụng tại khu học lý thuyết của 01 (một) người học trong quá trình đào tạo (đơn vị tính giờ).

b) Định mức sử dụng từng khu thực hành, thực tập, thí nghiệm của 01 (một) người học trong quá trình đào tạo:

$$Đ_{th} = S_{th} \times T_{th}$$

Trong đó:

- $Đ_{th}$: Định mức sử dụng từng khu thực hành, thực tập, thí nghiệm của 01 (một) người học trong quá trình đào tạo ($m^2 \times$ giờ/người học).

- S_{th} : Diện tích sử dụng trung bình từng khu thực hành, thực tập, thí nghiệm của 01 (một) người học trong quá trình đào tạo (m^2 /người học).

- T_{th} : Tổng thời gian sử dụng từng khu thực hành, thực tập, thí nghiệm của 01 (một) người học trong quá trình đào tạo (giờ).

c) Định mức các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật khác trong Trường được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) so với tổng định mức khu học lý thuyết và khu thực hành, thực tập, thí nghiệm.

Chương III

XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VÀ BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 10. Trình tự xây dựng, thẩm định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật của chương trình đào tạo

1. Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật:

a) Căn cứ vào danh mục các chương trình đào tạo của đơn vị (Khoa/Viện/Trung tâm) hoặc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh

vực giáo dục và đào tạo do đơn vị cung cấp, Hiệu trưởng giao cho các đơn vị xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng chương trình đào tạo hoặc từng dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị mình;

b) Trưởng đơn vị thành lập Tổ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật để thực hiện.

2. Tổ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

a) Thừa lệnh Hiệu trưởng, Trưởng đơn vị ký quyết định thành lập Tổ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng chương trình đào tạo trên cơ sở đề xuất của Trưởng Bộ môn và Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo.

b) Thành phần của Tổ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

- Tổ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật của chương trình đào tạo có 05 hoặc 07 thành viên. Tùy thuộc khối lượng công việc, điều kiện cụ thể của từng chương trình cần xây dựng, Trưởng đơn vị sẽ quyết định số lượng thành viên của Tổ xây dựng;

- Tổ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật gồm: Tổ trưởng, Tổ phó và các thành viên, trong đó 01 (một) thành viên kiêm Thư ký tổ;

- Thành viên Tổ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật của các chương trình đào tạo là các nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ chuyên môn về ngành, nghề của chương trình đào tạo cần xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

c) Trách nhiệm, quyền hạn của Tổ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

- Chịu trách nhiệm trong quá trình tổ chức xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật cho chương trình được giao;

- Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng của định mức kinh tế - kỹ thuật; báo cáo trước Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị chuyên môn được giao chủ trì thẩm định; hoàn thiện và báo cáo kết quả định mức kinh tế - kỹ thuật của chương trình đào tạo cho Hiệu trưởng (qua Phòng KH-TC) sau khi đã được Hội đồng thẩm định đánh giá đạt yêu cầu đề nghị ban hành;

- Thực hiện chi tiêu tài chính và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý, hợp pháp của các chứng từ kế toán theo quy định hiện hành.

d) Tổ xây dựng chủ trì triển khai xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

Trên cơ sở các căn cứ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, Tổ xây dựng triển khai việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật đối với từng loại định mức của chương trình đào tạo cần xây dựng theo các nội dung tại Điều 7 của Quy định này với các nội dung cụ thể sau:

- Xác định quy trình triển khai thực hiện xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật của chương trình đào tạo;

- Xác định nội dung giảng dạy trong đề cương chi tiết học phần của chương trình đào tạo cần xây dựng;

- Xác định từng loại định mức và phương pháp xây dựng từng loại định mức của chương trình đào tạo;

- Tổ chức các cuộc họp, thảo luận xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, xây dựng kế hoạch thực hiện.

3. Lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan;

a) Sau khi hoàn thành dự thảo định mức kinh tế kỹ thuật của chương trình đào tạo, Tổ xây dựng báo cáo Trưởng đơn vị để lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan, như: người học, nhà giáo, nhà khoa học, nhà quản lý của đơn vị và Nhà trường; cơ quan quản lý về giáo dục và đào tạo của địa phương...

d) Hoàn thiện hồ sơ báo cáo Hiệu trưởng để trình Hội đồng trường và các cơ quan có thẩm quyền ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan, đơn vị và tổ xây dựng hoàn chỉnh dự thảo định mức kinh tế - kỹ thuật và hồ sơ về định mức kinh tế kỹ thuật của chương trình đào tạo (Theo các biểu mẫu tại Phụ lục IV) của Quy định này.

Hồ sơ bao gồm các nội dung cơ bản: tờ trình; dự thảo định mức kinh tế - kỹ thuật; kèm theo báo cáo giải trình sau khi xin ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan; báo cáo tổng kết thực tiễn; báo cáo thuyết minh về phương pháp xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật và các tài liệu liên quan khác.

4. Thẩm định, trình ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật

a) Trên cơ sở dự thảo định mức kinh tế - kỹ thuật do đơn vị xây dựng, Hiệu trưởng giao nhiệm vụ cho 01 đơn vị chuyên môn chủ trì thẩm định hoặc thành lập Hội đồng thẩm định.

b) Thẩm định định mức kinh tế - kỹ thuật

- Đơn vị chuyên môn chủ trì hoặc Hội đồng thẩm định được giao nhiệm vụ tổ chức thẩm định định mức kinh tế - kỹ thuật lập kế hoạch thẩm định và gửi tài liệu đến các thành viên; thông báo tới Tổ xây dựng và đơn vị về thời gian, địa điểm tổ chức cuộc họp thẩm định định mức kinh tế - kỹ thuật;

- Các thành viên Hội đồng thẩm định nghiên cứu dự thảo định mức kinh tế - kỹ thuật và các tài liệu liên quan để chuẩn bị ý kiến nhận xét, đánh giá (bằng văn bản) đối với dự thảo định mức kinh tế - kỹ thuật và báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

c) Nội dung thẩm định

- Kiểm tra, đánh giá, kết luận về các cơ sở xây dựng định mức;

- Kiểm tra, đánh giá, kết luận về phương pháp xây dựng định mức;

- Kiểm tra, đánh giá, kết luận về tổ chức thực hiện, trình tự xây dựng định mức;

- Kiểm tra, đánh giá, kết luận về phương pháp thu thập, xử lý, phân tích tính toán, xác định trị số của định mức;

- Kiểm tra, đánh giá, kết luận về hình thức, bố cục trình bày định mức;

- Kiểm tra, đánh giá, kết luận về tính khả thi về mặt kinh tế - kỹ thuật của định mức;

- Các vấn đề khác (nếu có);
- Kiến nghị (nếu có).

d) Nội dung chính của cuộc họp thẩm định

- Tổ xây dựng báo cáo dự thảo định mức kinh tế - kỹ thuật;
- Tổ xây dựng giải đáp các câu hỏi của Hội đồng thẩm định;
- Các thành viên Hội đồng thẩm định thảo luận, đánh giá công khai về dự thảo định mức kinh tế - kỹ thuật;
- Các thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá chất lượng của dự thảo định mức kinh tế - kỹ thuật bằng phương pháp bỏ phiếu kín theo các mức sau:

Mức 1: Đạt yêu cầu đề nghị ban hành;

Mức 2: Đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa trước khi đề nghị ban hành;

Mức 3: Không đạt yêu cầu phải xây dựng lại.

- Chủ tịch Hội đồng thẩm định tổng hợp các ý kiến đánh giá của các thành viên Hội đồng thẩm định và kết luận về chất lượng của định mức kinh tế - kỹ thuật trên cơ sở đồng thuận của tất cả các thành viên Hội đồng thẩm định tham gia cuộc họp (theo một trong ba mức quy định trên). Nếu dự thảo định mức kinh tế - kỹ thuật phải chỉnh sửa thì Chủ tịch Hội đồng thẩm định sẽ yêu cầu chi tiết việc chỉnh sửa. Trường hợp dự thảo không đạt yêu cầu phải xây dựng lại thì Chủ tịch Hội đồng thẩm định sẽ quyết định phương án tổ chức thẩm định lại để đơn vị hoàn chỉnh hồ sơ theo kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định;

- Chủ tịch Hội đồng thẩm định tổng hợp, thông báo đến đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật về kết quả thẩm định.

5. Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật

Căn cứ biên bản thẩm định, kết luận thẩm định và báo cáo chỉnh sửa (nếu có), đơn vị và Tổ xây dựng được giao xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật của chương trình đào tạo hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến thẩm định và gửi đơn vị chuyên môn chủ trì thẩm định hoặc Hội đồng thẩm định để báo cáo Hiệu trưởng trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành.

Điều 11. Điều chỉnh, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Việc điều chỉnh, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật của chương trình đào tạo được thực hiện trong trường hợp định mức kinh tế - kỹ thuật đã ban hành không còn phù hợp với điều kiện thực tiễn và các quy định hiện hành.

2. Các đơn vị có chương trình đào tạo định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật đã ban hành bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế và quy định hiện hành.

3. Khi có nhu cầu điều chỉnh, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, thì đơn vị có chương trình đào tạo đề xuất Hiệu trưởng để xây dựng kế hoạch và triển khai điều chỉnh, bổ sung theo Quy định này.

Chương IV

PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ DỊCH VỤ GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO

Điều 12. Nguyên tắc tính giá dịch vụ giáo dục, đào tạo

1. Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo là toàn bộ các khoản chi phí thực tế hợp lý phát sinh để hoàn thành việc giáo dục, đào tạo cho người học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành, bao gồm chi phí tiền lương, chi phí vật tư, chi phí quản lý, chi phí khấu hao/hao mòn tài sản cố định, các chi phí khác và tích lũy (nếu có) hoặc lợi nhuận (nếu có).

2. Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo được phân biệt theo trình độ, lĩnh vực, ngành, nhóm ngành, chương trình đào tạo và hình thức giáo dục, đào tạo.

3. Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo được điều chỉnh hằng năm khi các yếu tố hình thành giá dịch vụ giáo dục, đào tạo thay đổi.

Điều 13. Xác định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo

1. Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccccccc} \text{Giá dịch} & & & & & & & & & & & & \text{Tích lũy} \\ \text{vụ giáo} & & \text{Chi} & & \text{Chi} & & \text{Chi} & & \text{Chi phí khấu} & & \text{Chi} & & \text{(nếu có)} \\ \text{dục, đào} & = & \text{phí} & + & \text{phí} & + & \text{phí} & + & \text{hao/hao mòn} & + & \text{phí} & + & \text{hoặc lợi} \\ \text{tạo} & & \text{tiền} & & \text{vật} & & \text{quản} & & \text{tài sản cố định} & & \text{khác} & & \text{nhuận} \\ & & \text{lương} & & \text{tư} & & \text{lý} & & & & & & \text{(nếu có)} \end{array}$$

2. Chi phí tiền lương

a) Chi phí tiền lương gồm các khoản tiền phải trả cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý và người lao động trực tiếp tham gia thực hiện dịch vụ giáo dục, đào tạo gồm tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và các chi phí khác phải chi trả theo quy định của pháp luật hiện hành.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí tiền} & = & \text{Định mức lao} & & \text{Đơn giá tiền lương hoặc chi} \\ \text{lương} & & \text{động} & \times & \text{phí tiền công (đồng/giờ)} \end{array}$$

- Định mức lao động: Xây dựng theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 của Quy định này;

- Đơn giá tiền lương thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về tiền lương; chi phí tiền công hoặc các quy định về vị trí, chế độ việc làm của người lao động là chi phí phải trả cho người lao động căn cứ vào hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể.

b) Căn cứ điều kiện và yêu cầu thực tế, chi phí tiền lương được xác định trên cơ sở quỹ tiền lương của Nhà trường, đơn vị (đối với đơn vị trực thuộc Trường, tự hạch toán) đảm bảo hoạt động hiệu quả của Nhà trường, đơn vị và phải được quy định chi tiết trong quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường hoặc đơn vị.

3. Chi phí vật tư là chi phí phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, thực hành, thực nghiệm và nghiên cứu khoa học; hoạt động cung cấp dịch vụ, gồm: Chi phí văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, điện, nước, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và các chi phí khác được xác định trên cơ sở mức tiêu hao vật tư và đơn giá vật tư:

a) Mức tiêu hao vật tư được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật như sau:

- Đối với sản phẩm đã có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì áp dụng theo định mức kinh tế - kỹ thuật;

- Đối với sản phẩm chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì áp dụng theo định mức do Hiệu trưởng ban hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của định mức kinh tế - kỹ thuật được áp dụng đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

b) Đơn giá vật tư được xác định như sau:

Đơn giá vật tư dùng để tính giá dịch vụ giáo dục, đào tạo là giá bao gồm thuế giá trị gia tăng, được xác định phù hợp với tiêu chuẩn, chủng loại và chất lượng vật tư sử dụng. Cụ thể như sau:

- Đối với vật tư do Nhà nước định giá: tính theo giá do Nhà nước quy định (+) chi phí lưu thông hợp lý (nếu có);

- Đối với vật tư mua ngoài:

Nếu không có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định nên có cơ chế khoán, kèm thông tin giá của nhà cung cấp.

Nếu có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định thì tính theo giá mua ghi trên hóa đơn mua/bán hàng; hoặc giá trúng thầu, giá trúng đấu giá, giá niêm yết (+) chi phí hợp lý, hợp lệ để đưa vật tư về đến cơ sở giáo dục (nếu có);

- Đối với vật tư trực tiếp nhập khẩu đưa vào sử dụng: Tính theo giá vốn nhập khẩu theo quy định của cơ quan có thẩm quyền (+) các chi phí thực tế hợp lý để đưa vật tư về đến Trường (nếu có) (+) chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có);

- Đối với vật tư tự chế: Tính theo giá thực tế xuất kho (+) chi phí thực tế phát sinh trong quá trình đưa vật tư về đến Trường (nếu có);

- Đối với vật tư thuê gia công chế biến: Tính theo giá thực tế xuất kho giao gia công (+) chi phí gia công (+) các chi phí hợp lý để đưa vật tư về đến Trường (nếu có);

Giá các loại vật tư và các khoản chi phí về gia công chế biến, vận chuyển, bảo quản, thu mua,... phải được ghi trên hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

4. Chi phí quản lý là chi phí phục vụ các phòng, ban của bộ phận quản lý trong Trường, bao gồm:

a) Chi phí tuyển sinh;

b) Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý; các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế... (không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý; tiền thuê tài sản

cổ định; chi phí trả cho nhà thầu (nếu có);

c) Chi phí bằng tiền khác thuộc quản lý chung, ngoài các chi phí đã nêu trên như: chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ, nghiên cứu, đào tạo, chi nộp phí tham gia hiệp hội và chi phí hợp lý khác.

5. Chi phí khấu hao hoặc hao mòn tài sản cố định là chi phí khấu hao hoặc hao mòn nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và các tài sản cố định khác sử dụng trong hoạt động cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo được tính theo quy định của Bộ Tài chính và lộ trình kết cấu chi phí khấu hao hoặc hao mòn tài sản cố định vào giá dịch vụ giáo dục, đào tạo do cơ quan có thẩm quyền quy định.

6. Chi phí khác gồm các loại thuế khác theo quy định, tiền thuê đất và các khoản phí, lệ phí khác.

7. Tích lũy (nếu có) hoặc lợi nhuận (nếu có).

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Kinh phí xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và xây dựng giá dịch vụ giáo dục, đào tạo

Các đơn vị được giao chủ trì xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật lập kế hoạch ngân sách trong Kế hoạch tài chính hằng năm của đơn vị để thực hiện xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật các chương trình đào tạo của đơn vị mình theo quy định của Nhà trường và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

1. Ban hành Quy định quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang.

2. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật các chương trình đào tạo của Trường Đại học Nha Trang.

a) Đối với các ngành, nhóm ngành, chương trình đào tạo của Nhà trường, Hiệu trưởng chỉ đạo các đơn vị có chương trình đào tạo chủ trì tổ chức xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trình cấp có thẩm quyền (Hội đồng trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo) thẩm định và ban hành;

b) Đối với chương trình đào tạo đạt mức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định hoặc đạt mức kiểm định chất lượng nước ngoài hoặc tương đương, Hiệu trưởng chỉ đạo các đơn vị có chương trình đào tạo chủ trì tổ chức xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trình Hội đồng trường xem xét thẩm định, phê duyệt và gửi báo cáo kết quả về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Thực hiện công khai giải trình với người học, xã hội về định mức kinh tế - kỹ thuật của các chương trình đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang.

4. Định kỳ rà soát, đánh giá kịp thời điều chỉnh, bổ sung đối với định mức kinh tế - kỹ thuật của các chương trình đào tạo đã ban hành cho phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội hàng năm, giai đoạn.

Hàng năm, trước ngày 01 tháng 11 thực hiện báo cáo tình hình xây dựng, thẩm định, phê duyệt định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền của Nhà trường đến Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo tại địa phương.

Điều 16. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. Các đơn vị Khoa, Viện, Trung tâm có chương trình đào tạo

a) Xác định thành phần công việc để hoàn thành để hoàn thành đào tạo một chương trình đào tạo cần xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật;

b) Chủ trì triển khai thực hiện xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật các chương trình đào tạo (đại học, sau đại học, bồi dưỡng ngắn hạn...) của đơn vị mình theo Quy định này;

c) Áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật đã xây dựng để thực hiện xây dựng dự toán chi phí và phương án giá dịch vụ giáo dục đào tạo của chương trình đào tạo theo yêu cầu do đơn vị mình quản lý;

d) Định kỳ trước ngày 30/7 hằng năm phải bổ sung, cập nhật, điều chỉnh định mức kinh tế - kỹ thuật các chương trình đào tạo và dự toán chi phí đào tạo của các chương trình do đơn vị mình quản lý và báo cáo Hiệu trưởng về kết quả triển khai thực hiện bổ sung, cập nhật, điều chỉnh định mức kinh tế - kỹ thuật các chương trình đào tạo.

2. Các đơn vị (Khoa/Viện/ Trung Tâm...) phụ trách các học phần giáo dục tổng quát của chương trình đào tạo cần xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật;

a) Xác định thành phần công việc để hoàn thành đào tạo một chương trình đào tạo cần xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật;

b) Chịu trách nhiệm xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật của các học phần giáo dục tổng quát liên quan đến các chương trình đào tạo cần xây dựng kinh tế - kỹ thuật;

c) Phối hợp với các đơn vị (Khoa/Viện/ Trung tâm) để hoàn thành xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật của các chương trình đào tạo; áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật để xây dựng dự toán chi phí và phương án giá dịch vụ giáo dục đào tạo của chương trình đào tạo theo yêu cầu (Theo hướng dẫn tại Phụ lục III của Quy định này).

3. Các đơn vị có chức năng quản lý đào tạo (Phòng Đào tạo Đại học, Phòng Đào tạo Sau Đại học, Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng).

a) Cung cấp hồ sơ, đề cương chi tiết học phần các chương trình đào tạo đã được kiểm định, chương trình đào tạo đặc biệt và chương trình đào tạo chưa được kiểm định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến các đơn vị triển khai xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật;

b) Phân công các đơn vị được giao phụ trách các học phần giáo dục tổng quát xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật theo yêu cầu của chương trình đào tạo tại các đơn vị;

c) Hỗ trợ, phối hợp với các đơn vị, Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo để tổ chức xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật của các chương trình đào tạo liên quan đến chức năng nhiệm vụ của đơn vị.

4. Phòng Đảm bảo Chất lượng & Khảo thí

Phối hợp với các đơn vị có chức năng quản lý đào tạo và các đơn vị có chương trình đào tạo xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật để bảo đảm định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà Nhà trường đã công bố.

5. Phòng Công nghệ Thông tin

a) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng và hoàn thiện phần mềm để phục vụ cho việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và xác định chi phí giáo dục đại học các chương trình đào tạo của Nhà trường;

b) Chủ trì tổ chức hướng dẫn các đơn vị nhập dữ liệu định mức kinh tế kỹ thuật của chương trình đào tạo trên phần mềm hệ thống quản lý của Nhà trường;

c) Quản lý và phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu định mức kinh tế kỹ thuật của các chương trình đào tạo của Nhà trường, đơn vị.

6. Trung Tâm Thí nghiệm thực hành

a) Chủ trì xây dựng định mức vật tư, thí nghiệm thực hành phục vụ cho hoạt động đào tạo của các chương trình do Trung tâm thực hiện;

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan để xây dựng định mức vật tư phục vụ cho công tác thí nghiệm, thực hành của các chương trình đào tạo cần xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật;

c) Phối hợp với các đơn vị liên quan để xây dựng định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác thí nghiệm, thực hành của các chương trình đào tạo cần xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

7. Trung tâm Phục vụ Trường học

Phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị liên quan để xây dựng định mức thiết bị và cơ sở vật chất liên quan đến các chương trình đào tạo cần xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

8. Phòng Kế hoạch - Tài chính

a) Hỗ trợ các đơn vị, Ban chủ nhiệm chương trình tổ chức xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật của các chương trình đào tạo của đơn vị;

b) Hướng dẫn các đơn vị xây dựng định mức thiết bị chuyên dùng, định mức cơ sở vật chất tại Trường Đại học Nha Trang;

c) Xây dựng kế hoạch và tham mưu trình cấp có thẩm quyền ưu tiên bố trí nguồn lực theo lộ trình để triển khai xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cho các chương trình đào tạo của Nhà trường; tổng hợp chung tình hình thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật của các đơn vị và báo cáo Hiệu trưởng trước ngày 01/12 hằng năm;

d) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật theo Quy định này;

đ) Kiểm tra, giám sát việc xây dựng, áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật các chương trình đào tạo của các đơn vị trong Nhà trường.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Các định mức kinh tế - kỹ thuật các chương trình đào tạo của các đơn vị đã ban hành trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thì đơn vị chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung để phù hợp Quy định này.

3. Trong trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản dẫn chiếu đó.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, bất cập hoặc phát sinh các đơn vị, cá nhân phản ánh, đề xuất với Hiệu trưởng (thông qua Phòng Kế hoạch - Tài chính) để xem xét, điều chỉnh bổ sung kịp thời./.

PHỤ LỤC I

KẾ HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
(Ban hành kèm theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHNT ngày 05 tháng 3 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

Kế hoạch chi tiết xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật bao gồm các nội dung sau:

1. Các sở cứ pháp lý cho việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.
 2. Các quy trình để thiết kế, xây dựng, tổ chức chức đào tạo của 1 chương trình đào tạo.
 3. Các quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng chất lượng đầu ra đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có).
 4. Phạm vi xây dựng định mức (và phạm vi loại trừ - nếu có).
 5. Phương pháp xây dựng.
 6. Phương thức thực hiện.
 7. Nguồn lực thực hiện.
 8. Thời hạn hoàn thành
 9. Kết quả dự kiến.
-

PHỤ LỤC II
TRÌNH TỰ CÁC BƯỚC XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT VÀ
XÁC ĐỊNH HAO PHÍ THÀNH PHẦN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHNT ngày 05 tháng 3 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

I. Trình tự xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

Trình tự xây dựng nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các bước sau:

1. Bước 1:

- Xác định các sản phẩm, dịch vụ giáo dục đại học (chương trình đào tạo đại học, cao học, tiến sĩ; chương trình đào tạo ngắn hạn,.... của đơn vị (Khoa/ Viện, Trung tâm...) cần xây dựng định mức .

2. Bước 2:

- Xác định quy trình triển khai xây dựng và vận hành chương trình đào tạo cần xây dựng định mức của đơn vị. Trong mỗi quy trình cần xác định nội dung các công việc cụ thể cần phải thực hiện từ khâu chuẩn bị đến khi hoàn thành đảm bảo tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

3. Bước 3: Xác định các hao phí (theo hướng dẫn tại Phụ lục IV).

4. Bước 4: Tổng hợp kết quả xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

Trên cơ sở hao phí của từng công đoạn, từng bước công việc, tổng hợp định mức theo nhóm, loại công việc; trên cơ sở tổng hợp các khoản mục hao phí bao gồm các nội dung:

a) Tên định mức: đơn vị tính của định mức;

b) Hướng dẫn áp dụng;

c) Nội dung công việc;

d) Các thành phần hao phí của định mức và trị số định mức;

đ) Các ghi chú, chỉ dẫn khác (nếu có).

5. Bước 5: Lấy ý kiến các bên liên quan;

6. Bước 6: Công tác thẩm định định mức KTKT đã được xây dựng (theo quy định tại Điều 10 Quy định này)

7. Bước 7: Trình phê duyệt ban hành định mức (theo quy định tại Điều 10 Quy định này).

II. Xác định hao phí định mức kinh tế - kỹ thuật

Xác định hao phí là bước quan trọng trong công tác xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật:

1) Hao phí lao động trực tiếp:

- Hao phí lao động trực tiếp được xác định dựa trên số lượng lao động, năng lực, trình độ chuyên môn, vị trí việc làm phù hợp với từng nội dung công việc cần thực hiện để hoàn thành đào tạo một chương trình hoặc một khối lượng công việc trong việc xây dựng và vận hành chương trình đào tạo

Để thuyết minh cơ sở xác định mức hao phí lao động trực tiếp, đơn vị xây dựng định mức *cần liệt kê các thao tác, công việc cơ bản phải thực hiện; xác định thời gian lao động trực tiếp và xác định số lượng và năng lực, trình độ chuyên môn, vị trí việc làm phù hợp với từng nội dung công việc cần thực hiện* để hoàn thành để hoàn thành đào tạo một chương trình hoặc một khối lượng công việc trong việc xây dựng và vận hành chương trình đào tạo.

- Hao phí lao động được phân tích, tính toán trên cơ sở: các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình kỹ thuật, quy trình dịch vụ, số liệu thống kê, khảo sát.

Công thức tính hao phí lao động

$$HPLĐ = (t_{dm} \times K_{cd}) \times (1/8)$$

t_{dm} : là định mức thời gian giờ công trực tiếp cho một đơn vị khối lượng công việc;

K_{cd} : hệ số chuyển đổi (nếu có);

(1/8): là hệ số chuyển từ định mức ngày công sang định mức giờ công

2. Xác định hao phí vật tư, nguyên nhiên vật liệu

a) Xác định thành phần hao phí

Thành phần hao phí vật tư, nguyên nhiên vật liệu được xác định theo yêu cầu của quy trình thực hiện xây dựng và vận hành chương trình đào tạo, yêu cầu thực tế để hoàn thành quá trình đào tạo của một chương trình đào tạo.

- Xác định danh mục, chủng loại vật tư, vật liệu cần thiết theo từng nội dung công việc để hoàn thành 01 công đoạn (hoàn thành một học phần,...) hay hoàn thành đào tạo một lớp sinh viên của chương trình đào tạo.

b) Xác định mức hao phí

Hao phí vật tư, nguyên nhiên vật liệu được tính toán cụ thể cho từng chủng loại vật tư, nguyên nhiên vật liệu để hoàn thành đào tạo một lớp sinh viên của chương trình đào tạo và được xác định trên cơ sở:

- Mức sử dụng hoặc mức tiêu hao vật tư, nguyên nhiên vật liệu theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và thông số kỹ thuật của phương tiện, máy móc, thiết bị được sử dụng trong quá trình quá trình đào tạo.

- Số liệu thống kê, khảo sát về sử dụng vật tư, nguyên nhiên vật liệu hoàn thành một công đoạn, một học phần hoặc một khối lượng công việc trong quá trình đào tạo.

3. Hao phí máy móc, thiết bị

a) Xác định thành phần hao phí

Thành phần hao phí máy móc, thiết bị được xác định theo yêu cầu của chương trình đào tạo và yêu cầu thực tế để hoàn thành đào tạo một lớp sinh viên theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, bao gồm:

- Xác định danh mục, chủng loại máy móc thiết bị tham gia trực tiếp vào quá trình đào tạo của chương trình đào tạo đó;

- Xác định thông số cơ bản của máy móc thiết bị (nếu cần);

b) Xác định mức hao phí

- Hao phí máy móc, thiết bị là thời gian cần thiết đối với từng loại máy móc, thiết bị được sử dụng để hoàn thành đào tạo một lớp sinh viên của chương trình đào tạo xây dựng định mức.

- Hao phí máy móc, thiết bị được xác định trên cơ sở: các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình kỹ thuật, quy trình dịch vụ, số liệu thống kê, khảo sát.

PHỤ LỤC III**MÔ TẢ ÁP DỤNG ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT TRONG XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN GIÁ DỊCH VỤ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 237/QĐ-ĐHNT ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

Ví dụ đơn giá dịch vụ giáo dục đào tạo của một chương trình đào tạo (thường gọi là học phí) của một sinh viên, tại Khoa/ Viện A, như sau:

1. Bảng tính chi phí và giá thành toàn bộ để hoàn thành một lớp đào tạo của một chương trình đào tạo (chưa bao gồm chưa bao gồm chi phí quản lý: xây dựng chương trình, kiểm định chương trình, chi phí của BCN Chương trình,.....) tại Khoa/ Viện A:

TT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Số tiền (VNĐ)
I	Chi phí trực tiếp			
1	Chi phí nhân công trực tiếp, trong đó:	NC	$(1)=(2)+(3)$	392,825
2	Chi lương = hao phí nhân công x đơn giá tiền lương		(2)	318,077
3	Chi các khoản đóng góp theo lương (theo chế độ quy định)		(3)	74,748
4	Chi phí vật tư, vật liệu	VL	(4)	1,826
5	Chi phí sử dụng máy = hao phí MMTB x đơn giá ca (hoặc giờ) máy	M	(5)	21,800
II	Chi phí chung			
1	Chi phí quản lý chung	25.0%	$(6)=(1)x...%$	98,206
III	Chênh lệch dự kiến	10.0%	$(7)=(1)x...%$	39,283
1	Cộng		$(8)=(1)+(4)+(6)$	492,857
2	Tổng cộng		$(9)=(1)+...(7)$	553,940

2. Chi tiết cách tính như sau:**2.1. Chi phí trực tiếp:**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được áp dụng để tính 03 nội dung chi phí trực tiếp bao gồm:

1) Chi phí vật tư, vật liệu trực tiếp = Mức tiêu hao vật tư x Giá vật tư

a) Mức tiêu hao vật tư được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật

b) Giá vật tư được xác định:

- Đối với sản phẩm được sản xuất ra thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp khấu trừ thì giá vật tư không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

- Đối với sản phẩm được sản xuất ra không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng hoặc thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp thì giá vật tư bao gồm thuế giá trị gia tăng.

- Giá vật tư dùng để tính giá sản phẩm được xác định phù hợp với tiêu chuẩn, chủng loại và chất lượng vật tư sử dụng, gắn với vị trí nơi sản xuất sản phẩm.

2) Chi phí nhân công trực tiếp trong giá sản phẩm được xác định trên cơ sở định mức lao động và đơn giá tiền lương, tiền công.

Chi phí nhân công trực tiếp = Định mức lao động x Đơn giá tiền lương hoặc tiền công

- Định mức lao động: trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật.

- Đơn giá tiền lương hoặc tiền công: Đơn giá tiền lương thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về tiền lương¹.

Bậc lương	Hệ số	Mức lương ²	Số giờ làm việc theo quy định		Tổng tiền lương ngạch bậc 1 năm của giảng viên (đồng)	Đơn giá tiền lương (đồng/giờ)
		Từ 01/7/2024	Số giờ giảng định mức trong năm ³	Số giờ làm việc (quy đổi giờ hành chính) ⁴		
		(1)	(2)	(3)		
Giảng viên cao cấp						
Bậc 1	6.2	14,508,000	260	780	174,096,000	223,200
Bậc 2	6.56	15,350,400	260	780	184,204,800	236,160
Bậc 3	6.92	16,192,800	260	780	194,313,600	249,120
Bậc 4	7.28	17,035,200	260	780	204,422,400	262,080
Bậc 5	7.64	17,877,600	260	780	214,531,200	275,040
Bậc 6	8.00	18,720,000	260	780	224,640,000	288,000
Giảng viên chính						
Bậc 1	4.40	10,296,000	240	720	123,552,000	171,600
Bậc 2	4.74	11,091,600	240	720	133,099,200	184,860
Bậc 3	5.08	11,887,200	250	750	142,646,400	190,195
Bậc 4	5.42	12,682,800	250	750	152,193,600	202,925
Bậc 5	5.76	13,478,400	250	750	161,740,800	215,654

¹ Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

² Chưa bao gồm hệ số chức vụ, chức danh (chi phí quản lý)

³ Theo Quyết định số 266/QĐ-ĐHNT ngày 26/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang

⁴ Để có 1 giờ giảng trên lớp giảng viên cần có 3 giờ để chuẩn bị

Bậc 6	6.1	14,274,000	260	780	171,288,000	219,600
Bậc 7	6.44	15,069,600	260	780	180,835,200	231,840
Bậc 8	6.78	15,865,200	260	780	190,382,400	244,080
Giảng viên						
Bậc 1	2.34	5,475,600	220	660	65,707,200	99,556
Bậc 2	2.67	6,247,800	220	660	74,973,600	113,596
Bậc 3	3.00	7,020,000	230	690	84,240,000	122,087
Bậc 4	3.33	7,792,200	230	690	93,506,400	135,517
Bậc 5	3.66	8,564,400	230	690	102,772,800	148,946
Bậc 6	3.99	9,336,600	230	690	112,039,200	162,376
Bậc 7	4.32	10,108,800	240	720	121,305,600	168,480
Bậc 8	4.65	10,881,000	240	720	130,572,000	181,350
Bậc 9	4.98	11,653,200	240	720	139,838,400	194,220

3) Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp = hao phí MMTB x đơn giá ca máy (*)

Mức hao phí MMTB: theo định mức kinh tế - kỹ thuật

Đơn giá ca máy: Vận dụng theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và lộ trình kết cấu chi phí khấu hao vào giá sản phẩm do cấp có thẩm quyền quy định (nếu có).

*** Lưu ý:**

- Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và lộ trình kết cấu chi phí khấu hao vào giá sản phẩm do cấp có thẩm quyền quy định (nếu có). Trường hợp chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp phục vụ sản xuất, kinh doanh đã tính trong chi phí sản xuất chung của doanh nghiệp thì không tính tại khoản này.

- Theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đối với các đơn vị SNCL từ nhóm 2 trở xuống, không tính khấu hao trong đơn giá.

- Trong số các thiết bị trực tiếp tham gia hoạt động đào tạo, một số không đủ điều kiện về giá trị để xác định là Tài sản cố định. Do đó, hiện tại chỉ là vận dụng quy định của Bộ Tài chính về tính khấu hao.

2.2. Chi phí chung:

1) Chi phí quản lý chung

Đối với chi phí chung liên quan đến nhiều sản phẩm mà không thể tách riêng ra được thì tập hợp và phân bổ theo tiêu thức thích hợp phù hợp với các quy định của Pháp luật liên quan cho từng sản phẩm.

Trong ví dụ trên, tỷ lệ phân bổ chi phí quản lý chung 25% là dự kiến theo thực tế thực hiện đã được quyết toán, kiểm toán gần nhất với thời điểm định giá

2) Lợi nhuận dự kiến:

Đối với dịch vụ do Nhà nước đặt hàng hoặc mà chưa có lưu thông trên thị trường hoặc chưa có những hàng hóa, dịch vụ tương tự được sản xuất và lưu thông trên thị trường, thì mức lợi nhuận dự kiến sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đảm bảo

trích lập hai quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng theo quy định của pháp luật hiện hành; hoặc mức lợi nhuận dự kiến được tính không vượt quá mức lợi nhuận thực tế hoặc tỷ suất lợi nhuận thực tế (đã được kiểm toán hoặc quyết toán) gần nhất với thời điểm định giá đối với hàng hóa, dịch vụ khác mà doanh nghiệp đã và đang sản xuất, kinh doanh.

Trong ví dụ này, tỷ lệ chênh lệch thặng dư là 8% dự kiến theo thực tế thực hiện đã được quyết toán, kiểm toán gần nhất với thời điểm định giá.

3. Áp dụng định mức cụ thể:

STT	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số giờ giảng của học phần	Hao phí
1	Nhân công⁵			
	Giảng viên hạng III bậc 2/9	Giờ	30	90
	Giảng viên hạng II bậc 5/8	Giờ	45	135
	Giảng viên hạng I bậc 3/6	Giờ	30	90
			
2	Máy sử dụng			
	Máy tính chuyên dụng	Ca	-	0,942
	Máy in laser A4	Ca	-	0,0003
3	Vật liệu sử dụng			
	Giấy A4	Tờ	-	4
	Mực in laser A4	Hộp	-	0.002
			

4. Các văn bản có liên quan áp dụng trong ví dụ mô tả này

- Luật Giá năm 2012 và các văn bản có liên quan hướng dẫn thi hành Luật Giá;
+ Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 (Sửa đổi, bổ sung Nghị định 177/2013/NĐ-CP).

+ Thông tư số 56/2014/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

- Thông tư số 45/2024/TT-BTC Ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa dịch vụ do Nhà nước định giá.

- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

⁵ Thực hiện theo tiêu chuẩn vị trí việc làm đối với giảng viên giảng dạy học phần; Yêu cầu đối với giảng dạy với chương trình trình độ đại học tối thiểu là thạc sĩ; với chương trình trình độ cao học và tiến sĩ tối thiểu là tiến sĩ.

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị SNCL.

- Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Thay thế thông tư 45).

- Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học.

- Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang

- Nghị định 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

- Quyết định số của ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật của Chương trình A.

5. Áp dụng Mẫu biểu phương án giá và cách xác định các nội dung chi phí thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 45/2024/TT-BTC, như sau:

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu
A	Sản lượng tính giá	Q
B	Chi phí sản xuất, kinh doanh	C
I	Chi phí trực tiếp:	C _{TT}
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp	C _{VT}
2	Chi phí nhân công trực tiếp	C _{NC}
3	Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (trường hợp được trích khấu hao)	C _{KH}
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh (chưa tính ở trên) theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực	C _K
II	Chi phí chung	C _C
5	Chi phí sản xuất chung (đối với doanh nghiệp)	C _{CM}
6	Chi phí tài chính (nếu có)	C _{TC}
7	Chi phí bán hàng	C _{BH}
8	Chi phí quản lý	C _{QL}
	Tổng chi phí sản xuất, kinh doanh	TC
C	Chi phí phân bổ cho sản phẩm phụ (nếu có)	CP
D	Giá thành toàn bộ (TC-CP)	Z
Đ	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm (TC-CP)/Q	Z _{đv}

PHỤ LỤC IV
CÁC BIỂU MẪU XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 297.../QĐ-ĐHNT ngày 05 tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

Biểu mẫu 1

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
--	--

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
CỦA HỌC PHẦN.....

A. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Tên Chương trình đào tạo:

Mã số:

Trình độ đào tạo:....

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết.....người học⁶ và lớp học thực hành với.... người học.

STT	Nội dung bồi dưỡng	Thời lượng tiết	Phân bổ thời lượng	
			Lý thuyết	Thực hành/ thực tập
1	Giáo dục tổng quát			
2	Giáo dục chuyên nghiệp			
	- Cơ sở ngành			
	- Ngành			
	- Bổ trợ			
	- Tốt nghiệp			
	- Hướng dẫn nghiên cứu khoa học cho sinh viên (nếu có)			
	Tổng cộng			

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
-----	-------------------	----------------	---------

⁶ Đối với bậc đào tạo đại học lớp chuẩn là 40 sinh viên; bậc cao học lớp chuẩn là 20 sinh viên (khối ngành kinh tế, KHXH) và 05 sinh viên đối với các ngành khối kỹ thuật. Đối với các lớp đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn lớp chuẩn là 20 học viên.

(1)	(2)	(3)	(4)
I	Định mức lao động trực tiếp		
1	<i>Định mức giờ dạy lý thuyết</i>		
	
	
2	<i>Định mức giờ dạy thực hành</i>		
	
	
II	Định mức lao động gián tiếp		
	...		
	...		

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Thiết bị 1		
2	Thiết bị 2		
	...		

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu hao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Vật tư 1			
2	Vật tư 2			

	...		
--	-----	--	--

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của 01 (một) người học (m^2)	Tổng thời gian sử dụng của 01 (một) người học (giờ)	Định mức sử dụng của 01 (một) người học ($m^2 \times$ giờ)
I	Khu học lý thuyết			
...	...			
II	Khu học thực hành, thực tập, thí nghiệm			
1	Phòng thực hành (A)			
2	Xưởng thực thực hành (B)			
3	Phòng thí nghiệm (C)			
III	Khu chức năng, hạ tầng khác			
1	Thư viện			
.			

				động (giờ)	bị		vật chất	khác (nếu có)
1	Cấu tạo nguyên tử							
1.1	Cấu tạo nguyên tử Hydro và các ion đơn điện tử theo cơ học lượng tử							
1.2	Cấu tạo nguyên tử đa điện tử theo cơ học lượng tử.	9	0	27				
1.3	Định luật tuần hoàn các nguyên tố hóa học							
1.4	Quy luật biến thiên các tính chất vật lý và hóa học của các nguyên tố trong bảng hệ thống tuần hoàn							
2	Liên kết hóa học và cấu tạo phân tử							
2.1	Các đại lượng đặc trưng của liên kết hóa học							
2.2	Các thuyết cổ điển về liên kết hóa học	8	0	24				
2.3	Liên kết hóa học và cấu tạo phân tử theo thuyết liên kết hóa trị (VB)							
2.4	Liên kết hóa học và cấu tạo phân tử theo thuyết orbital phân tử (MO)							
2.5	Sự phân cực của phân tử							
2.6	Trạng thái tập hợp của vật chất							
3	Nhiệt động hóa học							
3.1	Các khái niệm cơ bản về nhiệt động học.	8	0	24				
3.2	Nguyên lý I nhiệt động học.							
3.3	Nhiệt hóa học							
3.4	Nhiệt hóa học							
3.5	Nguyên lý II nhiệt động học Tiêu chuẩn xét chiều hướng và giới hạn của quá trình							
4	Động hóa học							
4.1	Tốc độ phản ứng.							
4.2	Sự ảnh hưởng của nồng độ đến tốc độ phản ứng.							
4.3	Sự ảnh hưởng của nhiệt độ đến tốc độ phản ứng.	6	0	18				
4.4	Sự ảnh hưởng của chất							

4.5	xúc tác đến tốc độ phản ứng.							
4.6	Động học phản ứng hóa học.							
4.7	Phản ứng thuận nghịch và trạng thái cân bằng.							
4.8	Hằng số cân bằng và mức độ xảy ra của phản ứng hóa học Sự chuyển dịch cân bằng – Nguyên lý Le Chatelier							
5	Dung dịch							
5.1	Đại cương về dung dịch							
5.2	Dung dịch chứa chất tan không bay hơi, không điện li	6	0	18				
5.3	Dung dịch điện li							
6	Điện hóa học							
6.1	Phản ứng oxi hóa - khử							
6.2	Thế điện cực	5	0	15				
6.3	PinAcquy							
6.4	Điện phân							
6.5	Ăn mòn điện hóa và bảo vệ kim loại							
6.6								
Tổng				135				

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Định mức kinh tế- kỹ thuật cho hoạt động đánh giá				
		Lao động (giờ)	Thiết bị	Vật tư	Cơ sở vật chất	Yếu tố khác (nếu có)
1	Đánh giá quá trình					
2	Thi giữa kỳ					
3	Thi kết thúc học phần					
Tổng						

c) Định mức kinh tế - kỹ thuật chung cho học phần

STT	Định mức kinh tế- kỹ thuật	Đơn vị tính	Hoạt động giảng dạy học phần				
			Giảng dạy		Đánh giá		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Thi giữa kỳ	Thi kết thúc học phần
1	Lao động	Giờ	135 (trương				

			đương 45 tiết lý thuyết)				
2	Thiết bị	<i>Giờ (sử dụng)</i>					
3	Vật tư	<i>Mức tiêu hao</i>					
4	Cơ sở vật chất	<i>Định mức sử dụng của 01 (một) người học (m2 x giờ)</i>					
5	Yếu tố khác (nếu có)						
	Tổng						

Biểu mẫu 3:

**MẪU TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC KINH TẾ -
KỸ THUẬT CỦA MỘT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Kèm theo Quyết định số 297.../QĐ-ĐHNT ngày 05 tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)*

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
CHƯƠNG TRÌNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHNT ngày 05 tháng 3 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)*

Tên chương trình đào tạo:

Mã số:.....

Trình độ đào tạo: Đại học

Năm 202...

MỤC LỤC

Trang

Phần thuyết minh.....	
I. Định mức lao động chương trình	trình độ
.....	
II. Định mức thiết bị chương trình	trình độ
.....	
III. Định mức vật tư chương trình	trình độ
.....	
IV. Định mức cơ sở vật chất chương trình	trình độ
.....	
V. Định mức yếu tố khác (nếu có) của chương trình	
.....trình độ	

PHẦN THUYẾT MINH

Định mức kinh tế - kỹ thuật chương trình trình độ Đại học là lượng tiêu hao các yếu tố về lao động, vật tư, thiết bị, cơ sở vật chất để hoàn thành việc đào tạo cho 01 người học đạt được chuẩn đầu ra mà Nhà trường đã công bố trong chương trình đào tạo.

I. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật chương trìnhtrình độ

1. Định mức lao động

- Định mức lao động là mức tiêu hao lao động sống cần thiết của người lao động theo chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành việc đào tạo cho 01 người học đạt được chuẩn đầu ra mà Nhà trường đã công bố trong chương trình đào tạo.

- Định mức lao động bao gồm định mức lao động trực tiếp và định mức lao động gián tiếp. Định mức lao động trực tiếp là thời gian giảng dạy lý thuyết, thực hành, thực tập, thực hiện chuyên đề, đồ án tốt nghiệp. Định mức lao động gián tiếp là thời gian lao động cho hoạt động quản lý, phục vụ.

2. Định mức thiết bị

- Định mức thiết bị là thời gian sử dụng từng loại thiết bị để hoàn thành việc đào tạo cho 01 người học đạt được chuẩn đầu ra mà Nhà trường đã công bố trong chương trình đào tạo.

- Định mức này làm căn cứ để tính hao mòn và tính khấu hao thiết bị. Định mức này chưa bao gồm thời gian sử dụng các thiết bị cho công tác quản lý, phục vụ của lao động gián tiếp.

3. Định mức vật tư

- Định mức vật tư là mức tiêu hao từng loại nguyên, vật liệu cần thiết để hoàn thành việc đào tạo cho 01 người học đạt được chuẩn đầu ra mà Nhà trường đã công bố trong chương trình đào tạo.

- Định mức này chưa bao gồm:

+ Định mức về điện chiếu sáng, nước sinh hoạt phục vụ cho quá trình đào tạo;

+ Định mức nguyên, nhiên vật liệu cho bảo trì, bảo dưỡng định kỳ;

+ Khối lượng (số lượng) vật tư cần thiết phải có ban đầu để phục vụ cho đào tạo đáp ứng yêu cầu của một kỹ năng cho 01 người học hoặc 01 lớp học hoặc cả khóa học (phần vật tư không tiêu hao)

4. Định mức cơ sở vật chất

Là thời gian sử dụng và diện tích sử dụng của một người học đối với từng loại cơ sở vật chất để hoàn thành đào tạo cho 01 người học đạt được các chuẩn đầu ra mà Nhà trường đã công bố trong chương trình đào tạo.

II. Hướng dẫn sử dụng định mức kinh tế - kỹ thuật của chương trìnhtrình độ Đại học

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật này được sử dụng để:

- Xác định chi phí trong đào tạo của chương trìnhtrình độ Đại học;

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch, quản lý kinh tế, tài chính và quản lý chất lượng trong hoạt động giáo dục đại học.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật của chương trình trình độ Đại học được tính toán trong điều kiện lớp học lý thuyết 40 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 25 sinh viên, thời gian đào tạo làgiờ.

3. Trường hợp tổ chức đào tạo chương trìnhtrình độ Đại học với các điều kiện khác, căn cứ vào định mức kinh tế - kỹ thuật này và điều kiện tổ chức đào tạo để cụ thể hóa hoặc đề xuất định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế.

Biểu mẫu 4:

**HỒ SƠ ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐƠN VỊ..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-.... Khánh Hòa, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành định mức kinh tế kỹ thuật của chương trình đào tạo.....trình độ.....

Kính gửi: Hiệu trưởng

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018; Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-ĐHNT ngày 03/12/2024 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-ĐHNT ngày...../...../202...của Hiệu trưởng về Ban hành Quy định quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật của các chương trình đào tạo và phương pháp định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang.

(Tên đơn vị trình.....) kính đề nghị Hiệu trưởng xem xét ban hành định mức kinh tế kỹ thuật của chương trình đào tạo.....trình độ....., cụ thể như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên chương trình:

-Trình độ đào tạo:

- Đơn vị quản lý:.....

2. Quá trình triển khai xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật của chương trình.....theo Quyết định số...../QĐ-ĐHNT ngày...../...../20...của Hiệu trưởng như sau:

.....
.....
.....
.....

Tổ xây dựng của đơn vị đã hoàn thiện dự thảo định mức kinh tế - kỹ thuật của chương trình đào tạo theo ý kiến của các bên liên quan.

Kính trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: Đơn vị.

TỔ TRƯỞNG TỔ XÂY DỰNG

TRƯỞNG (ĐƠN VỊ.....)

Biểu mẫu 5:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 ĐƠN VỊ.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày tháng năm

BÁO CÁO TỔNG KẾT THỰC TIỄN VỀ ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

- Tên chương trình.....
- Trình độ đào tạo:.....
- Tổng số học phần.Tổng số tín chỉ.....

Trong đó: Số học phần bắt buộc.....(.....tín chỉ); Số học phần tự chọn.....(.....tín chỉ)

II. THỰC TIỄN VỀ ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Khái quát về thực tiễn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật của chương trình đào tạo

a) Thực tiễn tại Trường Đại học Nha Trang

b) Thực tiễn tại các cơ sở giáo dục đại học khác có chương trình xây dựng định mức.

2. Đánh giá chung về định mức kinh tế - kỹ thuật của chương trình đào tạo cần xây dựng định mức.

.....

**XÁC NHẬN CỦA
 TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

TỔ TRƯỞNG TỔ XÂY DỰNG
(Ký, ghi rõ họ và tên)

.....

.....

.....

.....

**XÁC NHẬN CỦA
TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

TỔ TRƯỞNG TỔ XÂY DỰNG
(Ký, ghi rõ họ và tên

Biểu mẫu 7:TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
ĐƠN VỊ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày tháng năm

PHIẾU XIN Ý KIẾN⁷
DỰ THẢO ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT CỦA CHƯƠNG
TRÌNH.....TRÌNH ĐỘ.....**Kính gửi:**

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-ĐHNT ngày...../...../202...của Hiệu trưởng về Ban hành Quy định quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật của các chương trình đào tạo và phương pháp định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang.

Ngày /.../.....20..., Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang đã giao cho đơn vị (Tên đơn vị) và đơn vị đã thành lập Tổ xây dựng triển khai xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật của chương trình đào tạo.....trình độ.....tại Quyết định số...../QĐ-.... ngày...../...../20....

Quá trình triển khai xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật của chương trình..... như sau:

.....

Đơn vị (tên Khoa/Viện/Trung tâm) và Tổ xây dựng đã hoàn thiện dự thảo định mức kinh tế - kỹ thuật của chương trình đào tạo và gửi đến..... (tên cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan) để xin ý kiến.

Ý kiến đóng góp để hoàn thiện dự thảo định mức kinh tế - kỹ thuật của chương trình đào tạo của (tên cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan)xin gửi trước ngày...../...../20.... về địa chỉ:

.....

⁷ Phiếu xin ý kiến các bên liên quan đến việc sử dụng định mức kinh tế kỹ thuật: người học, đội ngũ giảng viên, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục tại địa phương, ...

.....
.....
.....

Trân trọng./.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG (ĐƠN VỊ)
(Ký, ghi rõ họ và tên